

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ CHO VAY

Cơ sở pháp lý:

QĐ 1627/2001/NHNN

QĐ127/2005/NHNN

QĐ493/2005/NHNN

QĐ807/2005/NHNN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHO VAY

- Phân loại nợ
- Rủi ro tín dụng
- Nợ quá hạn
- Nợ xấu
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHO VAY

Dự thu và dồn tích.

Tính lãi dự thu đối với nợ tốt (Nợ loại 1:
Nợ đủ tiêu chuẩn)

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

- **Nhóm các tài khoản cho vay**
 - 21X1: Nợ **đủ** tiêu chuẩn
 - 21X2: Nợ **cần** chú ý
 - 21X3: Nợ **dưới** tiêu chuẩn
 - 21X4: Nợ **nghi ngờ**
 - 21X5: Nợ có khả năng **mất vốn**
- **Tài khoản dự phòng 219 (2191 DPCT và 2192 DPC)**

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG (tiếp)

- Tài khoản lãi phải thu từ cho vay 394
- Tài khoản thu lãi cho vay 702
- Tài khoản tài sản gán xiết nợ chờ xử lý 387
- Tài khoản thu bán nợ, tài sản ĐB chờ thanh toán 4591
- Tài khoản thu khác từ hoạt động tín dụng 709
- Tài khoản chi phí khác từ hoạt động tín dụng 809
- Tài khoản chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi 8822

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG (tiếp)

- Tài khoản tài sản đảm bảo 994
- Tài khoản tài sản gán xiết nợ chờ xử lý 995
- Tài khoản lãi cho vay chưa thu được 941
- Tài khoản nợ gốc bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi 9711
- Tài khoản nợ lãi bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi 9712

Cấu trúc các tài khoản cho vay 21

- Phản ánh các hoạt động cho vay
- Bên Nợ: Ghi số tiền NH cho KH vay
- Bên Có: Ghi số tiền KH trả nợ NH; hoặc ghi số nợ bị/được chuyển loại. Riêng đối với TK 21X5 - Nợ có khả năng mất vốn: Bên Có còn có thể được dùng để ghi số nợ khó đòi đã xử lý, chuyển theo dõi ngoại bảng hoặc hoàn toàn tất toán nợ khó đòi
- Dư Nợ: số dư phản ánh số tiền KH đang vay NH

Cấu trúc tài khoản dự phòng 219

- Phản ánh số dự phòng rủi ro đối với nợ gốc
- Bên Có: ghi số dự phòng rủi ro nợ phải thu khó đòi
- Bên Nợ: ghi số dự phòng được sử dụng để bù đắp tổn thất hoặc được hoàn nhập (do đã dự phòng vượt mức)
- Dư Có: phản ánh số dự phòng rủi ro chưa được sử dụng

Cấu trúc tài khoản lãi phải thu từ cho vay 394

- Phản ánh số lãi NH dự tính sẽ thu được từ KH, nhưng KH chưa thanh toán cho NH
- Bên Nợ: ghi số lãi NH dự thu
- Bên Có: ghi số lãi KH thanh toán cho NH; hoặc ghi số lãi NH đã dự thu nhưng không thu được, phải xoá lãi, trích lập chi phí tương ứng với số lãi đã dự thu
- Dư Nợ: phản ánh tổng số lãi NH đã dự thu nhưng chưa được KH thanh toán

Cấu trúc tài khoản thu lãi cho vay 702

- Theo dõi thu nhập từ lãi trong hoạt động cho vay
- Bên Có ghi số tiền lãi NH thu được từ hoạt động cho vay
- Bên Nợ ghi số tiền lãi được kết chuyển vào tài khoản lợi nhuận (để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ)
- Dư Có: số dư phản ánh số lãi NH thu được chưa kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

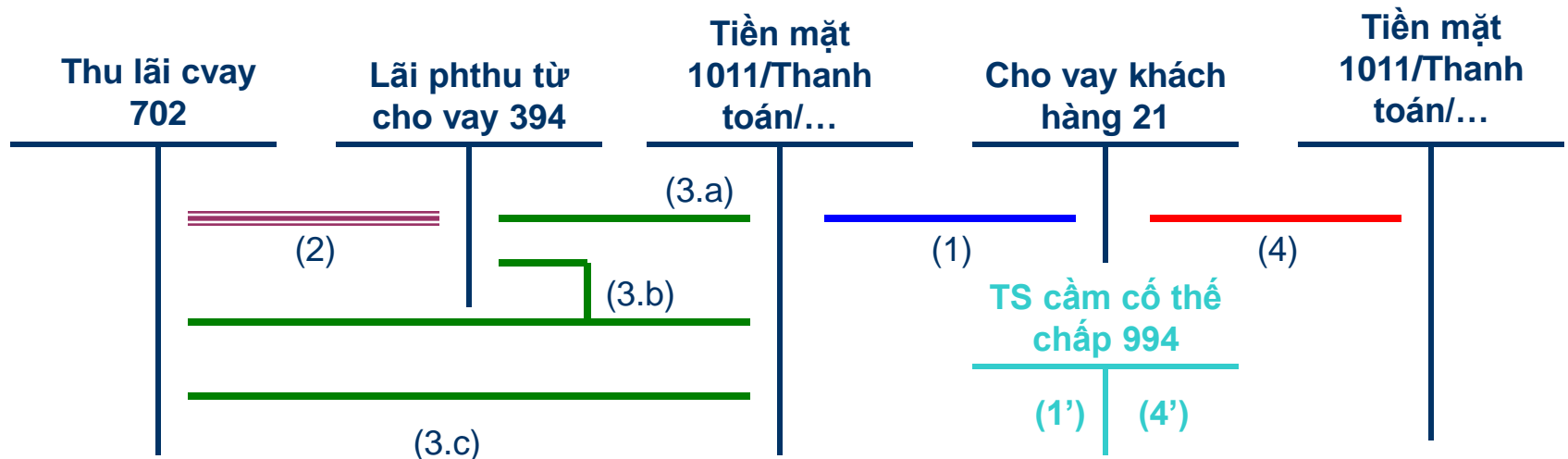
Cấu trúc tài khoản tài sản gán xiết nợ chờ xử lý 387

- Phản ánh tài sản đảm bảo của KH bị NH gán nợ, chờ xử lý
- Bên Nợ: ghi giá trị TS đảm bảo do NH thoả thuận giá trị gán nợ với KH
- Bên Có: ghi giá trị TS gán xiết nợ NH đã bán được hoặc NH đưa vào sở hữu và sử dụng
- Dư Nợ: phản ánh giá trị tài sản đảm bảo đã bị gán nợ đang chờ xử lý

Cấu trúc tài khoản thu bán nợ, tài sản đảm bảo nợ chờ thanh toán 4591

- Phản ánh số tiền NH thu được từ việc bán nợ, bán tài sản đảm bảo nợ chờ thanh toán
- Bên Có: ghi số tiền NH thu được từ việc bán nợ, bán tài sản đảm bảo nợ
- Bên Nợ: ghi số tiền NH dùng để bù đắp tổn thất nợ mất vốn/ hoặc số tiền còn dư NH trả lại KH
- Dư Có: phản ánh số tiền NH thu được từ việc bán nợ, bán tài sản đảm bảo nợ chưa được xử lý, đang chờ thanh toán

Kế toán giải ngân, dự thu lãi, thu lãi và thu gốc



1. Giải ngân bằng tiền mặt/hoặc qua các TK thanh toán..., và cầm cố thế chấp TSĐB (1')
2. Định kỳ dự thu lãi
3. Định kỳ thu lãi
 - a. Lãi dự thu = lãi phải thu
 - b. Lãi dự thu < lãi phải thu
 - c. Thu lãi chưa dự thu
4. Thu gốc, và giải chấp (4')

Bài tập 1

- Khoản vay 100 triệu, ngày 26/3
- Thời hạn 3 tháng
- Lãi suất 1,2%/30 ngày
- Tài sản đảm bảo 150 triệu
- Dự thu ngày cuối tháng
- Gốc, lãi trả cuối kỳ
- Đã thực hiện đủ cam kết
- Trình bày tất cả các bút toán có liên quan

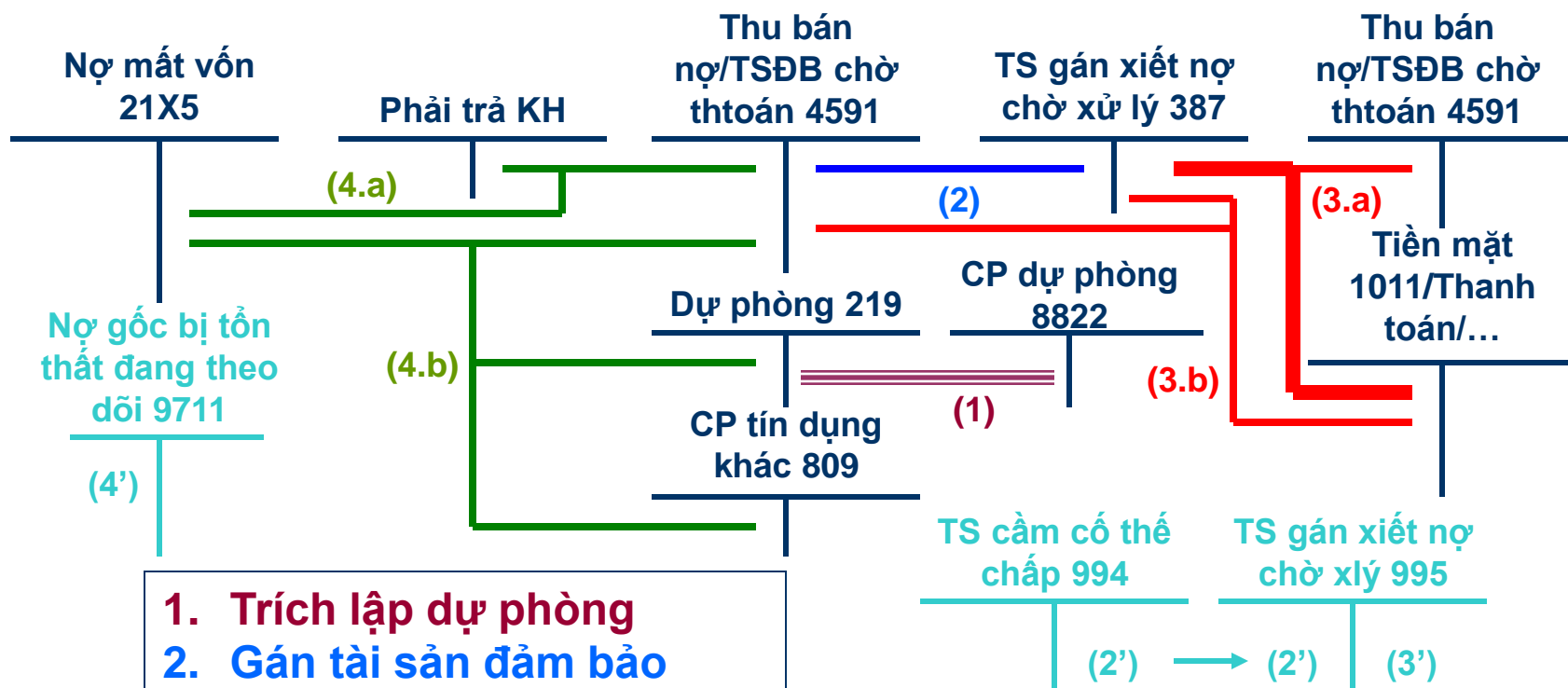
Bài tập 2

- Khoản vay 100 triệu, ngày 26/3
- Thời hạn 3 tháng
- Lãi suất 1,2%/30 ngày
- Tài sản đảm bảo 150 triệu
- Dự thu ngày cuối tháng
- Lãi trả ngày 26 hàng tháng, từ tháng 4
- Gốc trả cuối kỳ
- Đã thực hiện đủ cam kết
- Trình bày tất cả các bút toán có liên quan

Xử lý các phát sinh về lãi

- **Lãi đã dự thu nhưng đến hạn không thu được**
Xoá lãi, tính số lãi chưa thu được vào chi phí tín dụng khác 809, chuyển theo dõi ngoại bảng trên tài khoản 941. Sau khi xử lý phần gốc mất vốn, số lãi chưa thu được còn dư trên 941 chuyển sang 9712.
- **Lãi đã dự thu nhưng chưa thu được, nay đang theo dõi ngoại bảng, lại thu được**
Tính luôn vào thu nhập tín dụng khác (709) và xuất ngoại bảng.

Kế toán trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu



1. Trích lập dự phòng
2. Gán tài sản đảm bảo
3. Bán TSĐB, thu tiền
4. Xử lý nợ mất vốn
- (x') Các bút toán ngoại bảng

Bài tập 1

Định kỳ NH trích lập DPRR nợ phải thu khó đòi, biết rằng:

- Tổng DP đã trích tính đến đầu kỳ 30 tỷ, trong đó DPCT là 25 tỷ
- Trong kỳ NH đã xử lý 46 HĐTD đối với nợ nhóm 5. Số DP đã sử dụng để bù đắp tổn thất tín dụng là 6 tỷ, trong đó có 4 tỷ là DPCT. Số DPCT đã hoàn nhập là 300 tr.
- Tổng DP cần trích theo trạng thái nợ cuối kỳ là 35 tỷ, trong đó 28 tỷ là DPCT.

Hãy xử lý và hạch toán vào tài khoản thích hợp.

Bài tập 2

Ngày 10/10/N, NH thu được tiền bán TSĐB. Sau khi đã trừ đi chi phí, NH thu được 150 tr tiền mặt, nhiều hơn giá trị khi đã thỏa thuận gán là 10 tr. Để tất toán khoản nợ xấu này, NH phải dùng hết 15 tr DFCT đã trích, 2 tr DPC. Ngoài ra phần còn thiếu là 3 tr được NH đưa vào chi phí tín dụng khác.

Hãy xử lý và hạch toán nghiệp vụ trên vào tài khoản thích hợp.

Bài tập 3

NH có một khoản nợ còn dự gốc là 100 triệu. Khi cho vay, NH đánh giá giá trị của TSTC là 130 triệu. Khoản nợ đã bị chuyển sang nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn. Khi trích lập DPCT, NH tính giá trị có thể thu hồi của tài sản này là 70 triệu. Nay NH đã thỏa thuận nhận gán nợ tài sản này với giá 80 triệu. Một tuần sau khi thỏa thuận, NH bán được tài sản này, thu tiền mặt được 80 triệu.

Hãy trình bày tất cả các bút toán có liên quan đến khoản nợ này kể từ sau khi bị chuyển xuống nhóm 5.